

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Tùng.
2. Bà Ngô Thị Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên sơ cấp – Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Hoài T, sinh năm 1985 (*Có mặt*).

Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1986 (*Xin xét xử vắng mặt*).

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: cháu Nguyễn Thị Bích K, sinh ngày 25/5/2011 và cháu Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 18/8/2014 (*Xin xét xử vắng mặt*).

(*Giám hộ cho cháu K và cháu Trân có chị P là mẹ ruột*).

Cùng nơi cư trú: ấp V, xã B, huyện V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày như sau:

Hôn nhân của anh và chị P là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/12/2009 (Âl), có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2009 tại UBND xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T biết chị P có nhắn tin với người khác giới, hay đi chơi về muộn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh và chị P có thuê phòng trọ để đi làm Bình Dương nhưng chị P không đồng ý cho anh sống chung. Từ đó mâu thuẫn giữa anh và chị P ngày càng trầm trọng, sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh không liên lạc với chị P để hàn gắn tình cảm. Nay anh T không còn tình cảm với P xin được ly hôn với P.

Quá trình chung sống anh và chị P có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích K, sinh ngày 25/5/2011 và Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 18/8/2014. Hiện cháu K và cháu T đang sống với chị P. Khi ly hôn, anh T xin được nuôi cháu T còn cháu K anh T đồng ý giao cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh T cho rằng vợ chồng có tài sản chung là số tiền 60.000.000đồng do chị P quản lý. Khi ly hôn anh yêu cầu chị P chia cho anh $\frac{1}{2}$ là 30.000.000đồng.

Về tài sản riêng và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa về con chung: nguyên đơn đồng ý giao cháu K và cháu Trân cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với tài sản chung 60.000.000đồng anh rút yêu cầu không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Hôn nhân của chị và anh T là do mai mối, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 21/12/2009 (Âl), có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2009 tại UBND xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và mẹ chồng mâu thuẫn với nhau, anh T không bênh vực chị mà nghe lời mẹ đui chị P đi nên chị và anh T hay cãi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh T sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị có chủ động hàn gắn tình cảm để cùng nhau chăm lo cho các con nhưng anh T không đồng ý. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích K,

sinh ngày 25/5/2011 và Nguyễn Thị Tô T, sinh ngày 18/8/2014. Từ khi ly thân đến nay 02 con chung do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T và cháu K, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là 60.000.000đồng, khi ly thân chị quản lý số tiền này nhưng do dịch bệnh cuộc sống gặp khó khăn về kinh tế, chị cũng bị bệnh Covid-19, không có việc làm, không có tiền sinh hoạt và nuôi con nên chị đã sử dụng số tiền trên vào việc nuôi con, lo cho các con đi học nên không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ số tiền cho anh T.

Về tài sản riêng và nợ: không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu K và cháu T vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Cháu K và cháu T là con chung của ông Nguyễn Hoài T và Bà Nguyễn Thị Bích P. Cháu K và cháu T vẫn còn đang đi học. Nguyên, bị đơn ly hôn cháu K và cháu T không có ý kiến, nguyện vọng của cháu K và cháu T là được tiếp tục sống với chị P, không yêu cầu gì đối với anh T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con, giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung riêng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân của anh T và chị P đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo anh T và chị P trình bày thì anh chị mâu thuẫn và ly thân tháng 02/2020 đến nay. Trong thời gian ly thân anh chị không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng, điều này phù hợp với “*Biên bản xác minh*” ngày 06/4/2022 của Tòa

án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh, chị chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kinh tế gia đình, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị P thống nhất thuận tình ly hôn nhưng tại phiên tòa chị P vắng mặt nên không thể công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con: Anh T và chị P có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích K, sinh ngày 25/5/2011 và Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 18/8/2014. Tại phiên tòa anh T tự nguyện giao cháu T và cháu K cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung riêng và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Riêng phần nguyên đơn yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung 60.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa rút yêu cầu nên đình chỉ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và nhận lại tiền tạm ứng án phí phần đình chỉ yêu cầu.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoài T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích P.

Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thị Bích K, sinh ngày 25/5/2011 và Nguyễn Thị Tố T, sinh ngày 18/8/2014 cho chị Nguyễn Thị Bích P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Hoài T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản, nợ chung riêng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, đình chỉ phân yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn do rút yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Hoài T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí 1.050.000đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/016771 ngày 28/4/2021, anh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhân

- TAND TP Cần Thơ
- VKS huyện Vĩnh Thạnh
- Thi hành án huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự.
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Võ Hà Thía